

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ - STNMT, ngày / 09 / 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Trần Trung Tuyển-Trần Thị Mai	CV 548498	8/10/2020	Quyết Thắng	66	3	143.6	ODT	
2	Nguyễn Quốc Dũng-Lê Thị Lễ	AC 868362	26/01/2006	Trường Chinh	8	28	103.5	ODT	
3	Nguyễn Tấn Thiên-Trần Thị Kim Phụng	AM 490970	30/5/2008	Nguyễn Trãi	65	30	82.1	ONT(20) HNK(60.1)	
4	Đinh Văn Diêm	A 132774	5/7/1990	Hòa Bình	413,262	1	2420	ODT(400)+HN K(1020)	
5	Nguyễn Đồng Tâm	BĐ 956190	25/7/2011	Chư Hreng	153	3	1613.1	ONT(100)+HN K(1513.1)	
6	Phan Thành Nam	G 170674	29/3/1997	Hòa Bình	28	16	2294	ONT(400)+HN K(1894)	
7	Hồ Thị Tuyết Hồng	T 932792	26/9/2001	Đăk Rơ Wa	70	2	292	ONT	
8	A Kinh	T 172227	11/5/2001	Chư Hreng	32	3	1718	ONT(400)+HN K(1318)	
9	Trần Thị Thúy	BC 689245	30/8/2010	Ngô Mây	56	48	235	ODT(70)+HNK (165)	
10	Ka Ba Thành- Lê Thị Thanh	CM 408762	18/6/2018	Quang Trung	68	34	448	ODT(200)+HN K(248)	
11	Dương Chí Phương	CC 318788	18/5/2016	Duy Tân	69	20	97.5	ODT	
12	Tô Mạnh Cường	CM 759392	18/7/2018	Lê Lợi	243	6	182.8	ODT	

13	Phạm Ngọc Thái Phạm Thị Phường	CP 829589	1/7/2019	Duy Tân	201	9	100	ODT	
14	Phạm Ngọc Thái Phạm Thị Phường	CP 829588	10.1/2019	Duy Tân	121	9	181.6	ODT	
15	Huỳnh Thị Sáu	Y 785091	2/6/2004	Lê Lợi	9-2	14	358	T	
16	Trương Thị Tuyết Nga Nguyễn Đức Trị	AI 512377	6/4/2007	Thắng Lợi	16	63	850.1	ODT HNK	
17	Đoàn Văn Dược	Q 295518	10/11/1999	Đăk Blà	11; 12; 13; 20	1	17887	LN; Lúa; ĐRM	
18	Cao Hồi	N 473410	1/21/1999	Ia Chim	59	51	4928	T Vườn	
19	Phan Thi	BK 128511	8/24/2012	Ia Chim	708	35	1409.6	ONT+HNK	
20	Nguyễn Thị Quân	T 922866	8/30/2001	Kroong	68	3	1426	T Vườn	
21	Đào Xuân Thịnh-Nguyễn Thị Nhàn	AA 392171	20/9/2004	Đoàn Kết	13a	7a	672.0	ONT(100)+HN K(572)	
22	Nguyễn Bá Yên	BB 201723	28/5/2010	Ngô Mây	17	42	333.0	HNK	
23	Ngô Đình Minh-Nguyễn Thị Thu Hà	CM 372421	21/6/2018	Thắng Lợi	79	46	349.8	ODT(200)+HN K(149.8)	
24	Lê Văn Tú-Phạm Thanh Điệp	3601010128	26/01/2000	Quang Trung	116	55	127.6	ODT	
25	Dương Xì-Nguyễn Thị Liền	BD 258150	27/10/2010	Nguyễn Trãi	18	51	1015.0	ODT(400)+HN K(615)	
26	Phạm Văn Tấn	Q 290550	10/11/1999	Đăk Blà	231	3	300.0	ONT	
27	Nguyễn Văn Thuận-Huỳnh Thị Hồng Diệu	DA 714030	1/11/2021	Ngô Mây	125	53	2,373	ODT(40)+HNK (2333.3)	

28	Lê Văn Bôi-Chu Minh Diệu	CT 091119	28/11/2019	Chư Hreng	714	7	4567.1	HNK	
29	Nguyễn Ngọc Hiền	CT 177471	11/12/2019	Đăk Rơ Wa	627	16	821.6	ONT(178)+HNK K(643.6)	
30	Phan Thị Luận	AK 528636	11/12/2007	Duy Tân	112	23	282	ODT(50)+HNK (238)	
31	Bùi Đức Phúc-Phan Thị Thanh Thúy	CE 535810	15/11/2016	Thắng Lợi	71	23	149.7	ODT(40)+HNK (109.7)	
32	Dương Đình Biểu	AB 120214	2/4/2005	Trường Chinh	15-2	7	140	HNK	
33	Nguyễn Văn Đàm-Nguyễn Thị Hoa	AM 477049	31/3/2008	Quang Trung	150	81	175	ODT	
34	Nguyễn Văn Đàm-Nguyễn Thị Hoa	AP 951208	8/7/2009	Quang Trung	158	84	187	ODT	
35	Võ Hoàng Đại Việt	CE 524188	12/7/2016	Đăk Blà	472	20	157.7	ONT+HNK	

